

UBND PHƯỜNG XUÂN HƯƠNG – ĐÀ LẠT
TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU



**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2025 – 2026**

KHỐI 8

Xuân Hương – Đà Lạt, tháng 3 năm 2026

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN TOÁN 8

BÀI TẬP THAM KHẢO

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7.0 điểm)

Phần 1: Nhiều lựa chọn: Hãy khoanh vào chữ cái in hoa đứng trước đáp án đúng:

Câu 1: Một xe khách từ bến xe phía nam thành phố Huế đi vào thành phố Quy Nhơn với vận tốc 50km/h. Biết bến xe cách thành phố Huế 4 km. Sau x giờ xe khách cách thành phố Huế bằng:

- A. $y = 50x + 4$. B. $y = 50x$ C. $y = 4 - 50x$ D. $y = x + 4$.

Câu 2: Cho hàm số $y = 2x + 1$. Bảng giá trị nào sau đây là đúng ?

A. <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr><td>x</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td></tr> <tr><td>y</td><td>1</td><td>3</td><td>5</td></tr> </table>	x	0	1	2	y	1	3	5	B. <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr><td>x</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td></tr> <tr><td>y</td><td>2</td><td>4</td><td>6</td></tr> </table>	x	0	1	2	y	2	4	6	C. <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr><td>x</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td></tr> <tr><td>y</td><td>1</td><td>3</td><td>4</td></tr> </table>	x	0	1	2	y	1	3	4	D. <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr><td>x</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td></tr> <tr><td>y</td><td>2</td><td>4</td><td>5</td></tr> </table>	x	0	1	2	y	2	4	5
x	0	1	2																																
y	1	3	5																																
x	0	1	2																																
y	2	4	6																																
x	0	1	2																																
y	1	3	4																																
x	0	1	2																																
y	2	4	5																																

Câu 3: Đồ thị hàm số $y = ax (a \neq 0)$ là một đường thẳng luôn đi qua

- A. điểm $A(1;0)$ B. điểm $B(0;1)$ C. điểm $C(0;-1)$ D. gốc tọa độ $O(0;0)$

Câu 4: Điểm nào dưới đây thuộc đồ thị hàm số $y = 2x - 4$?

- A. $M(0;-4)$. B. $N(0;4)$. C. $P(4;0)$. D. $Q(-4;0)$.

Câu 5: Đồ thị hàm số $y = ax + b (a \neq 0)$ là:

- A. đường thẳng luôn đi qua gốc tọa độ.
 B. đường thẳng cắt trục tung tại điểm có tung độ là b và song song với đường thẳng $y = ax$.
 C. đường thẳng cắt trục hoành tại điểm có hoành độ bằng b .
 D. tập hợp các điểm không thẳng hàng.

Câu 6: Một người đi bộ với vận tốc 5km/h, người đó đi trong x giờ được quãng đường y dài là

- A. $y = 5x$. B. $y = 5/x$. C. $y = 5x + 1$. D. $y = 5x - 1$.

Câu 7: Hàm số $y = (n - 3)x + 2$ là hàm số bậc nhất khi

- A. $n = -3$ B. $n = 3$ C. $n \neq -3$ D. $n \neq 3$

Câu 8: Đồ thị hàm số $y = 2x$ luôn:

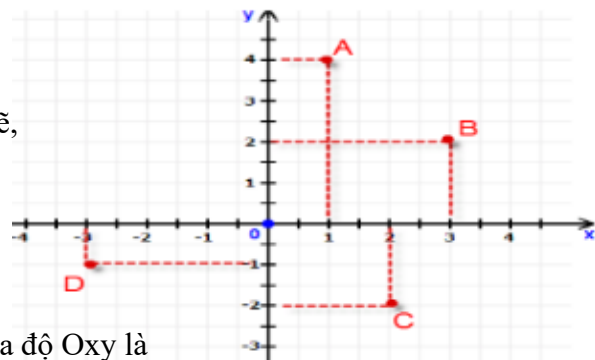
- A. cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng 2. B. cắt trục hoành tại điểm có hoành độ bằng 2.
 C. đi qua gốc tọa độ $O(0;0)$ D. song song với trục hoành Ox

Câu 9: Hệ số góc của đường thẳng $y = 2x - 3$ là:

- A. -3. B. -2.
 C. 3. D. 2.

Câu 10: Trong mặt phẳng tọa độ Oxy như hình vẽ, điểm có tọa độ **không** đúng là:

- A. $A(1; 4)$. B. $B(3; 2)$.
 C. $C(2; -2)$. D. $D(-3; 1)$.



Câu 11: Đồ thị hàm số $y = f(x)$ trên mặt phẳng tọa độ Oxy là

- A. tập hợp tất cả các điểm $M(x;f(x))$ B. đường thẳng đi qua điểm A và điểm B
 C. đường thẳng đi qua điểm $(0;0)$ D. trục hoành và trục tung

Câu 12: Cho hai đường thẳng $y = 4x + 5$ và $y = 4x - 1$. Hai đường thẳng đã cho

- A. cắt nhau. B. song song với nhau.
 C. trùng nhau. D. cắt nhau tại một điểm trên trục tung.

Câu 13: Cho hàm số $y = ax + 3$, hệ số a biết đồ thị hàm số đi qua điểm $A(1; 4)$ là:

- A. $a = 3$. B. $a = -3$. C. $a = 1$. D. $a = -1$.

Câu 14: Trong các hàm số sau, hàm số bậc nhất là

- A. $y = 2x + 3$. B. $y = 3z - 2x$. C. $y = -2x^2$. D. $y = -3xy + 3$.

Câu 15: Cho hàm số $y = f(x) = 2x + 3$. Tính $f(1)$?

- A. 5 B. 3 C. -4 D. -3

Câu 16: Cho hai đường thẳng $d: y = x + 3$ và $d': y = -2x$. Khi đó:
A. $d \parallel d'$; B. d trùng d' ; C. d cắt d' ; D. d không cắt d' .

Câu 17: Hai đường thẳng $y = 3x - 5$ và $y = mx + 7$ cắt nhau khi:
A. $m = 3$ B. $m = 5$ C. $m \neq 3$

Câu 18: Đường trung bình của tam giác ABH trong Hình 1 là:

- A. EB B. AF C. AE D. EF

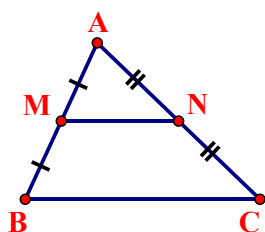
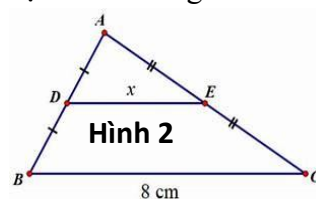
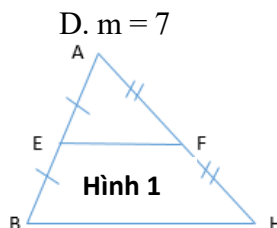
Câu 19 Đường trung bình của tam giác là đoạn thẳng

- A. đi qua trung điểm hai cạnh của tam giác. B. vuông góc với một cạnh của tam giác.
C. đi qua trung điểm một cạnh của tam giác D. song song với một cạnh của tam giác.

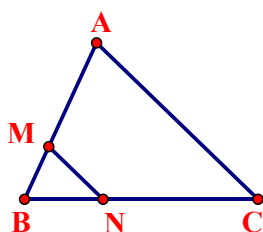
Câu 20: Cho tam giác ABC có DE là đường trung bình. Biết $BC = 8$ cm (hình 2). Độ dài DE là

- A) 4. B) 8. C) 2. D) 16.

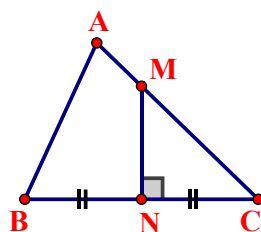
Câu 21: Trong các hình vẽ dưới đây, hình nào cho biết MN là đường trung bình của tam giác ABC?



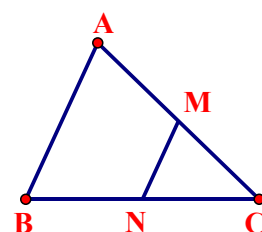
hình 1



hình 2



hình 3



hình 4

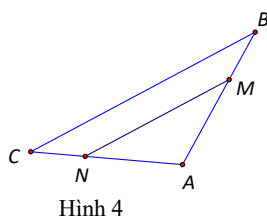
- A. H1. B. H2. C. H3. D. H4.

Câu 22: Cho hình 3, DE có tính chất

- A. $DE \parallel BC$, $DE = BC$. B. $DE \parallel BC$, $DE = BC:2$.
C. $DE \parallel BC$, $DE = 2BC$. D. $DE \parallel BC$, $DE = 3BC$

Câu 23: Cho hình 4, nếu $\frac{AB}{AM} = \frac{AC}{AN}$ thì

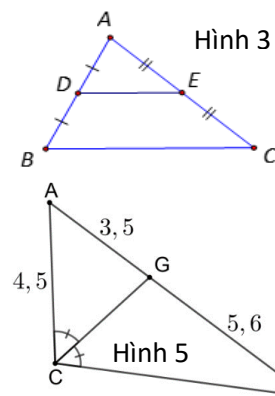
- A. $MN \parallel BC$. B. $MN = BC$.
C. $MN = 2BC$. D. $MN = BC:2$.



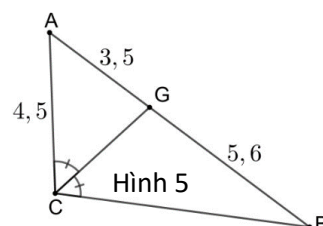
Hình 4

Câu 24: Cho hình 5: Độ dài BC là:

- A. 2,8 B. 5,6
C. 7,2 D. 4,4



Hình 3



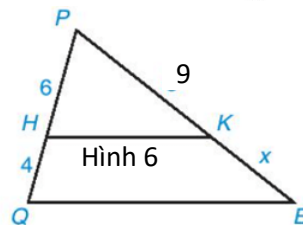
Hình 5

Câu 25: Cho hình vẽ (hình 6). Biết $HK \parallel QE$, $HP = 6$; $HQ = 4$; $PK = 9$. Độ dài đoạn KE là

- A) 6. B) 7. C) 8. D) 9.

Câu 26. Chọn phát biểu đúng về định nghĩa hai tam giác đồng dạng

- A. Chỉ cần có ba cặp góc tương ứng bằng nhau.
B. Các góc tương ứng bằng nhau và các cạnh tương ứng bằng nhau.
C. Các góc tương ứng bằng nhau và các cạnh tương ứng tỉ lệ.
D. Chỉ cần có ba cặp cạnh tỉ lệ.



Hình 6

Câu 27: Cho 2 tam giác RSK và PQM có $\frac{RS}{PQ} = \frac{RK}{PM} = \frac{SK}{QM}$, khi đó ta có:

- A. $\triangle RSK \sim \triangle PQM$ B. $\triangle RSK \sim \triangle QPM$ C. $\triangle RSK \sim \triangle MPQ$ D. $\triangle RSK \sim \triangle QMP$

Câu 28: Hãy chọn câu đúng. Nếu $\triangle ABC$ và $\triangle DEF$ có $\frac{BA}{DE} = \frac{BC}{DF}$; $B = D$ thì:

A. $\triangle ABC \sim \triangle DEF$. B. $\triangle ABC \sim \triangle EDF$. C. $\triangle BCA \sim \triangle DEF$. D. $\triangle ABC \sim \triangle FDE$.

Câu 29: Công thức nào **không** là hàm số của đại lượng y đối với đại lượng x ?

- A. $y = x$. B. $y = \frac{x}{3}$. C. $y = 2x + 5$. D. $x = 2y^2$.

Câu 30: Hàm số có thể được cho dưới dạng nào?

- A. Công thức. B. Biểu đồ. C. Bảng giá trị D. Cả A, B, C đúng

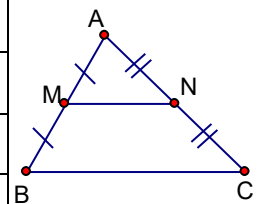
Phần 2: Đúng - Sai : Hãy viết Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô vuông sau mỗi ý a), b), c), d).

Câu 1 Khẳng định sau Đúng hay Sai:

Khẳng định					Đúng	Sai
a) Hệ số góc của đường thẳng $y = 5x - 5$ là 5.						
b) Đồ thị hàm số $y = -\frac{1}{2}x + 3$ là một đường thẳng song song với đường thẳng $y = 2x - 3$.						
c) Đồ thị hàm số $y = f(x)$ trên mặt phẳng tọa độ Oxy là tập hợp tất cả các điểm $M(x;f(x))$						
d) Bảng giá trị của hàm số bậc nhất $y = 2x + 3$ là:						
x	0	1	2	3		
$y = 2x + 3$	3	5	7	9		

Câu 2: Cho $\triangle ABC$ có M , N lần lượt là trung điểm của AB, AC

Khẳng định	Đúng (Đ)	Sai (S)
a) MN là đường trung bình của $\triangle ABC$		
b) MN song song với với bất kì cạnh nào của $\triangle ABC$		
c) MN song song với BC và có độ dài bằng nửa độ dài cạnh BC		
d) Nếu $MN = 4$ cm thì $BC = 8$ cm		



Câu 3: Khẳng định sau Đúng hay Sai:

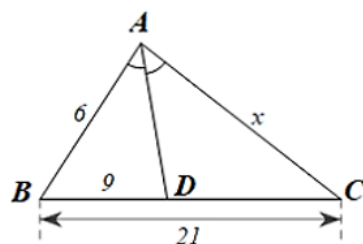
Khẳng định	Đúng (Đ)	Sai (S)
a) $\triangle ABC \sim \triangle A'B'C'$ nên $A = A', B = B', C = C'$		
b) Hai tam giác có một góc tương ứng bằng nhau thì đồng dạng.		
c) Vì $\triangle ADE \sim \triangle ABC$ nên $\frac{AD}{AB} = \frac{AE}{AC} = \frac{DE}{BC}$		
d) Hai tam giác đồng dạng với nhau thì bằng nhau		

Câu 4: Mỗi khẳng định sau đây về đường thẳng (d): $y = (m+1)x - 3$ là đúng hay sai?

Khẳng định	Đúng (Đ)	Sai (S)
a) Điều kiện để hàm số trên là hàm số bậc nhất là $m \neq -1$		
b) Với $m = 4$ Đường thẳng (d) song song với đường thẳng $y = 4x + 5$		
c) Đường thẳng (d) đi qua điểm $M(2; 3)$ khi $m = 2$		
d) Với $m = 4$ thì đường thẳng (d) cắt trục hoành tại điểm có hoành độ $x = -1$		

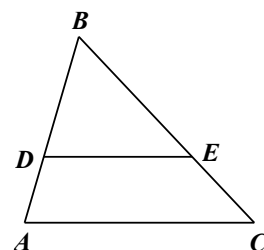
Câu 5: Cho $\triangle ABC$ có $AB = 6$, $AC = x$, $BD = 9$, $BC = 21$. Như hình vẽ.

Khẳng định	Đúng (Đ)	Sai (S)
a) AD là tia phân giác của $\widehat{BAC}$		
b) $\frac{BD}{DC} = \frac{AB}{AC}$		
c) $\frac{x}{21} = \frac{6}{9}$		
d) $x = 4$ cm		



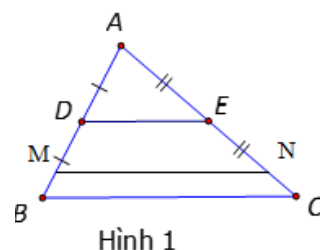
Câu 6: Cho $\triangle BAC$ (hình vẽ), biết $DE \parallel AC$.

Khẳng định	Đúng (Đ)	Sai (S)
a) $\frac{BD}{AD} = \frac{BE}{BC}$		
b) Cho DB = 5cm ; DA = 2cm, EC = 2,5 thì BE = 6cm		
c) $\triangle BDE \sim \triangle BAC$		
d) Tỉ số đồng dạng của $\triangle BAC$ và $\triangle BDE$ là $k = \frac{5}{2}$		



Câu 7: Cho hình vẽ 1.

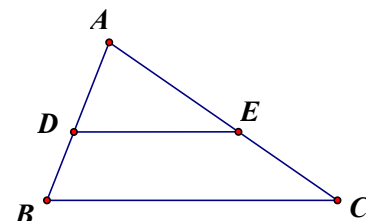
Khẳng định	Đúng (Đ)	Sai (S)
Đường trung bình của tam giác $\triangle ABC$ là MN		
Đường trung bình của tam giác $\triangle ABC$ là đường thẳng đi qua trung điểm D của cạnh AB, trung điểm E của cạnh AC.		
DE có tính chất : $DE \parallel BC$, $DE = \frac{1}{2}BC$.		
Nếu $MN \parallel BC$ thì $\frac{AM}{MB} = \frac{AN}{NC}$		



Hình 1

Câu 8: Cho hình vẽ bên:

Khẳng định	Đúng (Đ)	Sai (S)
a) Nếu $DE \parallel BC$ thì ta có $\frac{AD}{DB} = \frac{AE}{EC}$		
b) Nếu $\frac{AD}{AB} = \frac{AE}{AC}$ thì $DE \parallel BC$		
c) Nếu $DE \parallel BC$ thì ta có $\frac{AD}{DB} = \frac{DE}{BC}$		
d) Định lí Thalès chỉ dùng cho tam giác vuông.		



Câu 9: Một xe ô tô chạy với vận tốc 60 km/h. Gọi $S(t)$ km là quãng đường mà ô tô đi được trong thời gian $t(h)$.

Khẳng định	Đúng	Sai
a) Quan hệ giữa số giờ xe chạy và quãng đường xe chạy được là một mô hình hàm số.		
b) Công thức biểu thị quãng đường $S(t)$ km mà ô tô đi được trong thời gian $t(h)$ là: $S(t) = 60t$		
c) Sau khi đi được 3 giờ quãng đường mà xe ô tô đi được là: $S = 180$ km		

d) Để đi hết quãng đường 270km thì ô tô phải đi liên tục trong 5 giờ.		
---	--	--

Câu 10: Cho ΔABC có $AB = 5$ cm, $AC = 7$ cm và ΔDEF có: $DE = 10$ cm, $DF = 14$ cm

Biết $A = D = 60^\circ$

Khẳng định	Đúng	Sai
a) $\Delta ABC \sim \Delta DEF$ theo trường hợp cạnh – góc – cạnh (c.g.c).		
b) Tỉ số đồng dạng của ΔDEF và ΔABC là 2.		
c) ΔDEF và ΔABC đồng dạng với nhau theo trường hợp cạnh–cạnh–cạnh (c.c.c).		
d) Tỉ số chu vi của hai tam giác đồng dạng ΔDEF và ΔABC là $1/2$.		

Phần 3: Trả lời ngắn: Hãy viết đáp án đúng vào ô trống (không cần trình bày lời giải chi tiết)

Câu 1. Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình bên. Hãy hoàn thành bảng giá trị của hàm số sau đây

x	-2	-1	0	1	2
y	4	1	0	1	

Trả lời:

Câu 2: Cho hàm số $y = f(x) = 3x + 5$. Tính $f(-2)$.

Trả lời:

Câu 3: Cho hàm số được xác định bởi công thức $y = -2x + 5$. Hãy cho biết giá trị của hàm số y khi $x = 3$.

Trả lời:

Câu 4: Điểm A thuộc đồ thị hàm số $y = -x + 2$ có hoành độ là 3. Tung độ của điểm A là?

Trả lời:

Câu 5: Hệ số góc của đường thẳng $y = -0,5x + 2$ là?

Trả lời:

Câu 6: Để các hàm số bậc nhất $y = 2mx - 3$ và $y = 4x + 1$ có đồ thị là những đường thẳng song song với nhau thì $m = ?$

Trả lời:

Câu 7: Cho đường thẳng $(d): y = ax + 2$. Để đường thẳng (d) đi qua điểm $M(1;3)$ thì $a = ?$

Trả lời:

Câu 8: Cho hai đường thẳng $y = 4x + m + 2$ và $y = -2x - 6 - 3m$ với m là tham số. Để hai đồ thị của hàm số trên cắt nhau tại một điểm của trục tung thì $m = ?$

Trả lời:

Câu 9: Một hãng taxi tính giá mở cửa là 12 nghìn đồng và mỗi km đi thêm tính 15 nghìn đồng.

Gọi y (đồng) là số tiền phải trả khi đi x (km). Bạn Nam gọi taxi và đi hết quãng đường 8km. Bạn Nam phải trả bao nhiêu nghìn đồng?

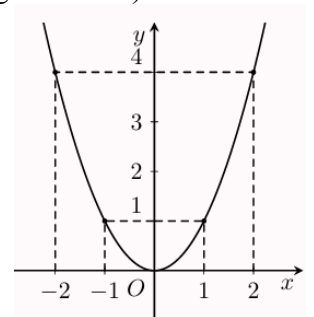
Trả lời:

Câu 10: Gọi y (đồng) là số tiền phải trả khi mua x vé xem phim. Mỗi vé có giá 50 nghìn đồng. Bạn an mua 7 vé thì phải trả bao nhiêu nghìn đồng?

Trả lời:

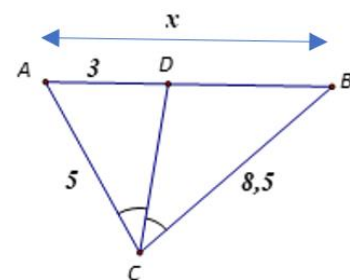
Câu 11: Cho hai đường thẳng $d_1: y = 3x + 2$; $d_2: y = (m+1)x - 5$. Để hai đường thẳng d_1 và d_2 cắt nhau thì $m \neq ?$

Trả lời:



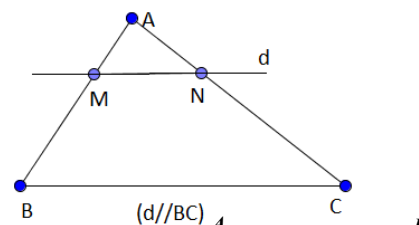
Câu 12: Cho tam giác ABC, CD là tia phân giác góc C, D thuộc BA (các độ dài trên hình vẽ có cùng đơn vị đo). $x = ?$

Trả lời:



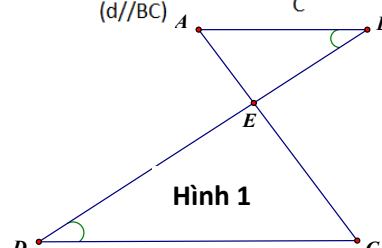
Câu 13: Cho tam giác ABC, đường thẳng d cắt AB tại M, AC tại N. Biết $AB = 12$, $AM = 4$, $AC = 15$ (các độ dài có cùng đơn vị đo). Để $MM \parallel BC$ thì AN = ?

Trả lời:



Câu 14: Cho hình vẽ trên (hình 1), biết $AE = 4$, $EB = 8$, $EC = 15$. Độ dài đoạn thẳng ED là

Trả lời:

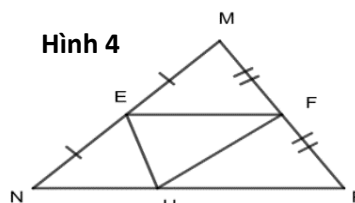


Câu 15: Hình 3. Tính độ dài PF trong hình vẽ biết $EF \parallel NP$.

Trả lời:

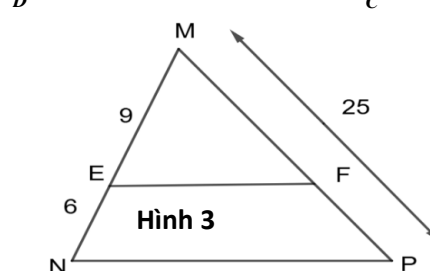
Câu 16: Quan sát hình 4 và cho biết trong tam giác MNP có bao nhiêu đường trung bình?

Trả lời:



Câu 17: Cho tam giác ABC có D là trung điểm AB, E là trung điểm AC. Biết $BC = 10\text{cm}$. Tính DE?

Trả lời:



Câu 18: Cho tam giác ABC có $DE \parallel BC$. Nếu $\frac{AD}{AB} = \frac{AE}{AC} = \frac{1}{2}$ thì $\frac{BC}{DE} = ?$ (Kết quả viết dưới dạng số thập phân).

Trả lời:

Câu 19: Cho tam giác ABC có M thuộc AB, N thuộc AC. Biết $\frac{AM}{AB} = \frac{3}{5}$. Để MN song song với BC thì tỉ số $\frac{AN}{AC} = ?$ (Kết quả viết dưới dạng số thập phân).

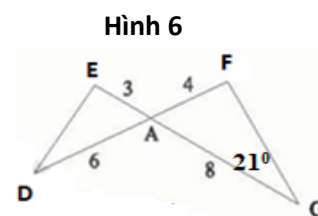
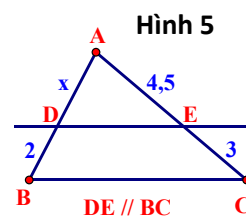
Trả lời:

Câu 20: Tìm x trong hình 5

Trả lời:

Câu 21: Cho tam giác ADE và tam giác ACF có các kích thước (như Hình 6). Tính số đo của góc ADE.

Trả lời:



Câu 22: Bóng của một tháp trên mặt đất có độ dài $BC = 63\text{m}$ (như Hình 7). Cùng thời điểm đó, một cây cột DE cao 2 m cắm vuông góc với mặt đất có bóng dài 3m. Tính chiều cao của tháp.

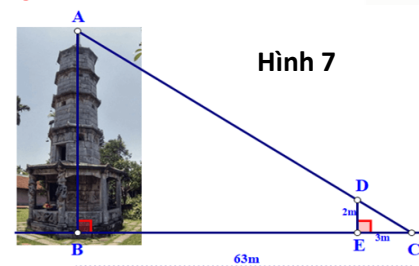
Trả lời:

B. TỰ LUẬN

Câu 1: Mô tả các đại lượng là hàm số và biến số trong các mô hình sau:

a) Quãng đường s (km) đi được trong thời gian t (giờ) của một chiếc xe chạy với vận tốc không đổi bằng 40km/h.

b) Số tiền y (đồng) người mua phải trả cho x ly trà sữa có giá 20000đồng/ly.



Câu 2: Lập bảng giá trị của mỗi hàm số bậc nhất sau:

$y = 4x - 1$ và $y = -0,5x + 8$ với x lần lượt bằng $-2; -1; 0; 1; 2; 3$.

Câu 3: Vẽ đồ thị của các hàm số:

a) $y = 3x$; b) $y = 2x - 6$ c) $y = -3x + 6$ d) $y = -\frac{1}{2}x + 1$

Câu 4: Hãy chỉ ra ba cặp đường thẳng cắt nhau và các cặp đường thẳng song song trong các đường thẳng:

$d_1: y = 2x$

$d_2: y = -5x + 3$

$d_3: y = 2x + 7$

$d_4: y = -5x - 1$

$d_5: y = \sqrt{7}x - 2$

$d_6: y = 7 + \sqrt{7}x$

Câu 5: Ở dưới mặt biển, khi độ sâu tăng thêm 1m thì áp suất nước tăng thêm xấp xỉ $10\,300\text{ N/m}^2$.

a) Viết công thức biểu thị áp suất nước $p(\text{N/m}^2)$ theo độ sâu $x(\text{m})$. Hỏi p có là hàm số bậc nhất của x hay không?

b) Một người thợ lặn ở độ sâu 40m dưới mực nước biển. Tính áp suất tại vị trí của người thợ lặn đó.

c) Một người thợ lặn chịu được áp suất tối đa là $505\,000\text{ N/m}^2$. Hỏi người thợ lặn đó có thể lặn đến độ sâu tối đa bao nhiêu để đảm bảo an toàn.

Câu 6: Học sinh khối 8 ở một trường góp tiền để làm một album ca nhạc Tết Nguyên Đán 2025. Một phòng thu âm cho biết giá sản xuất đĩa gốc là 10 triệu đồng và mỗi đĩa in sao là 60 000 đồng.

a) Gọi x là số đĩa cần in sao và y là số tiền học sinh khối 8 phải trả (bao gồm tiền đĩa in sao và một đĩa gốc). Hãy biểu diễn y theo x . Hỏi y có phải là hàm số bậc nhất không? Vì sao?

b) Các bạn khối 8 cần góp bao nhiêu tiền để in được 150 đĩa sao và một đĩa gốc?

Câu 7: Một bể bơi gia đình đang chứa sẵn 2m^3 nước. Người ta bắt đầu mở vòi nước cho chảy vào bể, mỗi giờ chảy được $1,5\text{m}^3$. Gọi $y(\text{m}^3)$ là thể tích của nước có trong bể sau x giờ.

a) Hãy lập hàm số của y theo x .

b) Biết rằng 2m^3 nước có sẵn trong bể chiếm $\frac{4}{19}$ thể tích bể. Dung tích chứa nước tối đa của bể đạt

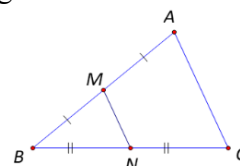
90% thể tích bể. Hỏi sau thời gian bao lâu kể từ lúc mở vòi, nước trong bể đạt dung tích tối đa?

Câu 8: Cho hình vẽ biết M, N lần lượt là trung điểm của AB, BC .

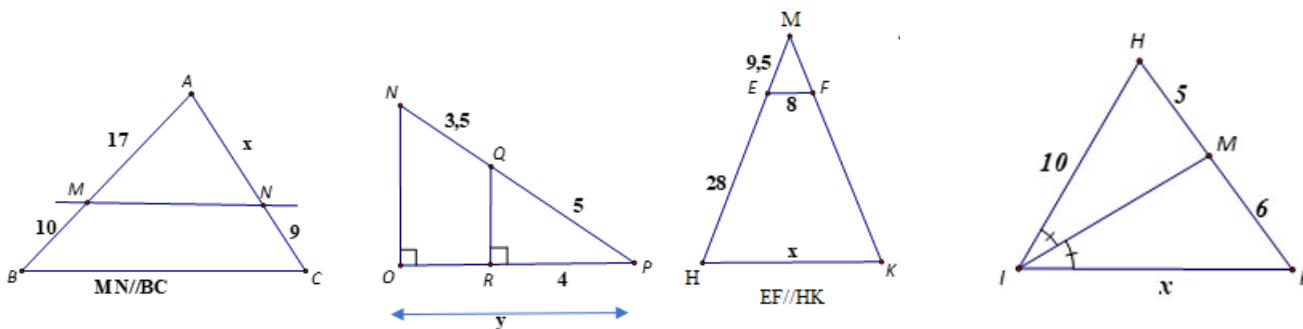
a) Giải thích MN là đường trung bình của $\triangle ABC$.

b) Biết $AC = 20\text{ cm}$. Tính độ dài đoạn thẳng MN ?

c) Biết $MN = 20\text{ cm}$. Tính độ dài đoạn thẳng AC ?



Câu 9: Tìm các độ dài x, y trên các hình vẽ sau: (các độ dài trên hình có đơn vị cm)



Câu 10: Cho hình sau, biết $AM = 5\text{ cm}$; $MB = 2,5\text{ cm}$;

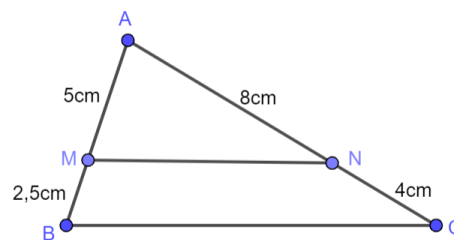
$AN = 8\text{ cm}$; $NC = 4\text{ cm}$. MN có song song với BC hay không?

Hãy giải thích vì sao?

Câu 11:

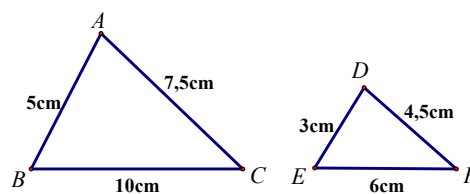
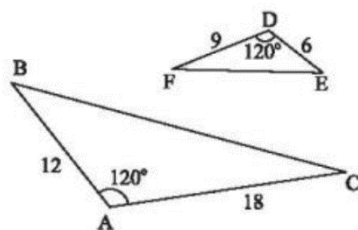
a) Cho $\triangle ABC \sim \triangle MNP$ và $A = 45^\circ, B = 60^\circ$. Tính các góc còn lại của hai tam giác.

b) Cho $\triangle ABC \sim \triangle MNP$ và $AB = 4, BC = 6, AC = 5, MN = 5$. Tính độ dài các cạnh NP, PM .

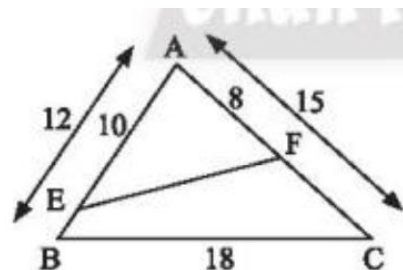


Câu 12: Cho hai tam giác ABC và DEF có kích thước như trong hình 1, hỏi hai tam giác có đồng dạng với nhau không? Vì sao?

Câu 13: Hãy giải thích vì sao $\triangle ABC$ và $\triangle DEF$ đồng dạng với nhau.



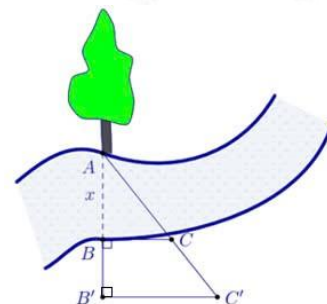
Hình 1



Câu 14:

a/ Hãy giải thích vì sao $\triangle AEF$ và $\triangle ACB$ đồng dạng với nhau.
b/ Tính EF?

Câu 15: Người ta tiến hành đo đạc các yếu tố cần thiết để tính chiều rộng của một khúc sông mà không cần phải sang bờ bên kia sông (hình vẽ bên). Biết $BB' = 30$ m, $BC = 40$ m và $B'C' = 60$ m. Tính độ rộng x của khúc sông.



--- CHÚC CÁC CON ÔN TẬP TỐT ---